

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HS-ST

Ngày 02/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Ngọc.

Ông Nguyễn Hữu Tinh.

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Huyền Thương, là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diệu Linh, là Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 23/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn V, sinh ngày 23 tháng 4 năm 1985, tại huyện L, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị H; có vợ là Bùi Thị L, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 17 tháng 5 năm 2016 bị Công an huyện L, tỉnh Nam Định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi gây rối trật tự ở khu dân cư; lịch sử bản thân: ngày 13 tháng 3 năm 2024, bị Công an huyện L, tỉnh Nam Định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc; bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 01 năm 2024, đến ngày 06 tháng 02 năm 2024 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Trần Văn T2, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1985, tại huyện L, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị T; vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 01 năm 2024, đến ngày 06 tháng 02 năm 2024 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Gia T3, sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn V, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 51 phút ngày 06 tháng 01 năm 2024, bị cáo Trần Văn T2 sử dụng tài khoản facebook là T nhắn tin đến tài khoản facebook V của bị cáo Trần Văn V để mua số lô, số đề. Bị cáo T2 mua các số lô: 72, 76, 88, 89, mỗi số 100 điểm; 67, 51, 34, mỗi số 50 điểm; 79, 97, 43, 82, 87, mỗi số 30 điểm với giá 22.000 đồng một điểm lô, tổng số tiền lô là 15.400.000 đồng. Sau khi nhận được tin nhắn của bị cáo T2, bị cáo V nhắn biểu tượng like để đồng ý. Đến khoảng 18 giờ 01 phút cùng ngày, bị cáo T2 tiếp tục sử dụng facebook trên để nhắn cho bị cáo V mua các số đề gồm đầu 8, đuôi 1, mỗi số 15.000 đồng, tổng số tiền đề là 300.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T2 mua số lô, số đề của bị cáo V là 15.700.000 đồng. Sau khi nhận được tin nhắn, bị cáo V nhắn like để đồng ý. Hình thức chơi như sau: Số đề là các số gồm 02 chữ số từ 00 đến 99, nếu trùng với 02 số cuối cùng của giải đặc biệt kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng thì người bán phải trả cho người mua gấp 80 lần số tiền bỏ ra mua. Nếu không trùng thì thua và mất số tiền bỏ ra mua. Đối với số lô là 02 số tự nhiên từ 00 đến 99, nếu trùng với 02 số cuối cùng của 27 giải kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng thì người bán phải trả cho người mua số tiền tương ứng là 01 điểm được 80.000 đồng. Nếu không trùng thì thua và mất số tiền mua.

So sánh với kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng ngày 06 tháng 01 năm 2024, bị cáo T2 trúng các số lô 87 và 97, số tiền trúng thưởng là 80.000 đồng x 60 = 4.800.000 đồng. Như vậy, bị cáo T2 phải trả cho bị cáo V 10.900.000 đồng. Bị cáo T2 đã chuyển khoản cho bị cáo V 10.000.000 đồng, còn nợ lại bị cáo V 900.000 đồng. Sau đó, bị cáo T2 và bị cáo V đã xóa tin nhắn mua bán số lô, số đề trên facebook.

Ngày 28 tháng 01 năm 2024, bị cáo Trần Văn T2 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone 11 Pro Max, màu đen, lắp số sim 0948.685.899, đã qua sử dụng; bị cáo Trần Văn V giao nộp 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone XS Max, màu đen, lắp số sim 0981.738.823, đã qua sử dụng. Kiểm tra điện thoại của bị cáo T2 và bị cáo V, trong phần thư mục ảnh đều lưu trữ hình ảnh chụp lại tin nhắn Facebook

giữa bị cáo T2 và bị cáo V về việc mua bán số lô, số đề ngày 06 tháng 01 năm 2024.

Ngày 28 tháng 01 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Trần Văn T2 và bị cáo Trần Văn V. Thu giữ của bị cáo Trần Văn T2:

- 14 tờ lịch bên trong có ghi các dãy số; 01 tờ bì vỏ hộp kẹo Siu Châu Nguyên Hương màu đỏ có ghi các con số đựng trong ngăn kéo bàn uống nước phòng khách tầng 01.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus, màu xám, lắp số sim 0945.282.769 và 01 đầu thu hệ thống camera tại vị trí kệ đựng rượu kê giữa phòng khách và phòng bếp tầng 01.

- 01 ví giả da màu nâu, bên trong có số tiền 3.230.000 đồng và 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn T2 để tại phòng ngủ tầng 01.

Thu giữ của bị cáo Trần Văn V: 01 cặp số màu đen, bên trong đựng nhiều loại giấy tờ, sổ sách liên quan đến việc cho vay tiền gồm:

- + 04 quyển sổ bì màu xanh, khổ giấy A4, bên trong ghi nội dung Trần Văn V cho vay tiền, ký hiệu lần lượt là S1, S2, S3, S4.

- + 05 quyển vở học sinh dạng kẻ ô li, bên trong ghi nội dung cho vay tiền chưa rõ của ai, ký hiệu lần lượt là V1, V2, V3, V4, V5.

- + 03 quyển sổ ghi hui, khổ giấy A5, bì màu xanh, bên trong ghi nội dung cho vay tiền hưởng lãi suất chưa rõ của ai, ký hiệu lần lượt là SH1, SH2, SH3.

- + 175 tờ giấy các loại có ghi chép nội dung liên quan đến hành vi cho vay tiền hưởng lãi suất (ký hiệu G1).

- + 01 giấy mượn xe đề ngày 21/3/2019, người mượn là Trần Thị D, sinh năm 1989, địa chỉ số nhà A đường G, phường T, thành phố N (ký hiệu G2).

- + 01 giấy biên nhận và cam kết trả nợ đề ngày 21/3/2019, người ký là Trần Thị D (ký hiệu G3).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại Gara ô tô C ở tổ dân phố số B, phường L, thành phố N là nơi bị cáo V sửa xe ô tô. Thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus, màu trắng để ở ghế phía sau của xe ô tô.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc đã tiến hành trưng cầu giám định đối với: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone 11 Pro Max, màu đen (ký hiệu A1); 01 chiếc điện thoại di động nhãn

hiệu iPhone Xs Max, màu đen (ký hiệu A2); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S Plus, màu xám (ký hiệu A3). Tại Kết luận giám định số 494/KL-KTHS ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định, kết luận:

1. Trích xuất được 01 hình ảnh tin nhắn facebook giữa tài khoản facebook T và tài khoản facebook V có liên quan đến hành vi mua bán số lô, số đề được lưu giữ trong Album ảnh trong mẫu gửi giám định (ký hiệu A1)

2. Phục hồi, trích xuất được dữ liệu, tin nhắn zalo, facebook, SMS trong mẫu gửi giám định (ký hiệu A1) gồm: 1225 tin nhắn văn bản SMS; 4522 tin nhắn facebook; 79507 tin nhắn zalo.

3. Trích xuất được 01 hình ảnh tin nhắn facebook giữa tài khoản facebook T và tài khoản facebook V có liên quan đến hành vi mua bán số lô, số đề được lưu giữ trong Album ảnh trong mẫu gửi giám định (ký hiệu A2).

4. Phục hồi, trích xuất được dữ liệu tin nhắn zalo, facebook, SMS trong mẫu gửi giám định (ký hiệu A2) gồm: 103 tin nhắn văn bản SMS, 56 tin nhắn facebook, 427 tin nhắn zalo.

5. Không trích xuất được tin nhắn zalo giữa tài khoản zalo “N” và các tài khoản zalo gồm: B, T, M, P và Đ có liên quan đến hành vi mua bán số lô, số đề trong mẫu gửi giám định (ký hiệu A3)

6. Không phục hồi, trích xuất được dữ liệu tin nhắn zalo, tin nhắn facebook, tin nhắn văn bản SMS có liên quan đến hành vi mua bán số lô, số đề trong mẫu gửi giám định (Ký hiệu A3)

Không xác định được dữ liệu trích xuất, phục hồi trong các mục 2, 4 trên có liên quan đến hành vi mua bán số lô, số đề.

Dữ liệu phục hồi, trích xuất được lưu trong 01 đĩa DVD có chứa 3,59 GB dung lượng dữ liệu.

Quá trình kiểm tra nội dung dữ liệu điện tử trong đĩa DVD nói trên, không phát hiện nội dung nào liên quan đến hành vi đánh bạc, mua bán số lô, số đề và hành vi vi phạm pháp luật khác.

Quá trình điều tra còn xác định: Ngày 30 tháng 4 năm 2019, do có mối quan hệ quen biết, anh Trần Gia T3 vay bị cáo Trần Văn V số tiền 30.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày; cứ 10 ngày anh T3 trả lãi cho bị cáo V số tiền là 1.500.000 đồng. Hai bên không viết giấy vay nợ, bị cáo V nhờ vợ là chị Bùi Thị L ghi chép vào 01 quyển sổ màu xanh, khổ giấy A4 số tiền cho

vay, lãi suất và ngày đến hạn trả lãi. Đến ngày 15 tháng 12 năm 2019, anh T3 trả xong tiền gốc và lãi cho bị cáo V. Tổng số tiền lãi anh T3 đã trả cho bị cáo V là 34.500.000 đồng, trong 230 ngày vay. Số tiền bị cáo V chiếm hưởng bất hợp pháp là: $34.500.000 \text{ đồng} - [(30.000.000 \text{ đồng} : 365 \text{ ngày} \times 20\%) \times 230 \text{ ngày}] = 30.719.179 \text{ đồng}$. Bị cáo V cho anh T3 vay với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương 180%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay), thu lợi bất chính số tiền 30.719.179 đồng.

Quá trình điều tra xác định, ngoài hành vi mua bán số lô, số đề với bị cáo Trần Văn V thì bị cáo Trần Văn T2 còn bán số lô, số đề cho một số người cụ thể như sau: Ngày 24 tháng 01 năm 2024 và ngày 26 tháng 01 năm 2024, bán 90.000 đồng tiền đề cho anh Trần Xuân M. Ngày 25 tháng 01 năm 2024, bán 300.000 đồng tiền đề cho anh Phạm Quang Đ và bán 240.000 đồng tiền đề cho anh Trần Văn T4. 03 người này đều không trúng số đề. Hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức mua bán số lô, số đề của bị cáo T2 với 03 người là M, Đ và T4 đều dưới 5.000.000 đồng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, Công an huyện Mỹ Lộc đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo T2 và 03 người mua số đề trên.

Tài khoản zalo “P” nhắn tin cho bị cáo T2 mua số đề vào các ngày 19, 22, 25, 27 tháng 1 năm 2024 và zalo “b” nhắn tin cho bị cáo T2 mua số lô, số đề vào ngày 26 tháng 01 năm 2024 (số tiền đều dưới 5.000.000 đồng). Bị cáo T2 không xác định được cụ thể tên, tuổi của hai người sử dụng tài khoản zalo ở trên. Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Mỹ Lộc đã có công văn gửi bộ phận pháp lý zalo - Công ty cổ phần VNG yêu cầu tiến hành xác minh số điện thoại, thông tin người đăng ký sử dụng 02 tài khoản zalo trên nhưng chưa nhận được công văn trả lời. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh.

Ngoài hành vi cho anh Trần Gia T3 vay tiền thu lợi bất chính, bị cáo Trần Văn V còn cho các trường hợp vay tiền có lãi suất như sau: Năm 2019, bị cáo V cho anh Đặng Huy T5 vay 80.000.000 đồng, lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày, thu lợi bất chính 15.191.000 đồng. Năm 2019, bị cáo V cho anh Trần Ngọc T6 vay 28.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng /01 triệu/01 ngày, thu lợi bất chính 3.741.000 đồng. Năm 2019, bị cáo V cho anh Trần Gia P vay 70.000.000 đồng, thu lợi bất chính 6.427.000 đồng. Đối với các trường hợp bị cáo V cho T5, T6 và P vay đều thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng, các hành vi trên đã hết thời hiệu xử phạt hành chính nên cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý. Chị Bùi Thị L đã thay mặt cho bị cáo V khắc phục hậu quả số tiền bị cáo V chiếm hưởng trái phép cho anh T5, anh T6, anh P.

Bị cáo V khai nhận còn cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai nhưng do thời gian đã lâu nên bị cáo V không nhớ cụ thể thời gian, tên, tuổi, địa chỉ người vay tiền. Từ giữa năm 2018 đến cuối năm 2019, bị cáo V thuê anh Trần Văn T7 theo dõi sổ sách liên quan đến người vay tiền tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 30.719.179 đồng là tiền bị cáo V thu lợi bất chính, bị cáo V đã nhờ chị L trả lại cho anh T3. Anh T3 đã nhận đủ số tiền trên và không có ý kiến gì thêm.

Đối với 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn T2, 01 ví giả da màu nâu, 01 đầu thu hệ thống camera là tài sản của bị cáo T2, không liên quan đến hành vi mua bán số lô, số đề. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc đã trả lại cho bị cáo T2.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus, màu trắng là tài sản của chị Bùi Thị L không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc đã trả lại cho chị L.

Đối với 14 tờ lịch và 01 tờ bìa có ghi các con số, có 03 tờ lịch bị cáo T2 ghi nháp các số lô, số đề nhưng không mua bán với ai; các tờ lịch và tờ bìa còn lại không liên quan đến việc mua bán số lô, số đề được lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 quyển sổ ghi chép bìa màu xanh, khổ giấy A4 gồm 36 trang ghi nội dung bị cáo V cho vay tiền hưởng lãi suất (ký hiệu S1); 01 tờ giấy mượn xe (ký hiệu G2) và 01 giấy biên nhận và cam kết trả nợ (ký hiệu G3) liên quan đến việc bị cáo V cho các cá nhân vay tiền, được lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 03 quyển sổ ký hiệu S2, S3, S4 là sổ bị cáo V ghi chép cho các cá nhân vay tiền với lãi suất cao tại địa bàn thành phố B, tỉnh Đồng Nai; 05 quyển vở học sinh ký hiệu V1, V2, V3, V4, V5; 03 quyển sổ màu xanh ký hiệu SH1, SH2, SH3 và 175 giấy tờ các loại ký hiệu G1 xác định là giấy tờ, sổ sách của anh Nguyễn Ngọc T6 cho các cá nhân có lãi suất tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; đối với anh Trần Văn T5 là người giúp bị cáo V theo dõi sổ sách cho các cá nhân vay tiền tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai; không liên quan đến hành vi bị cáo V cho vay tiền hưởng lãi suất trên địa bàn huyện Mỹ Lộc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để tiếp tục điều tra, xác minh.

Đối với chị Bùi Thị L là vợ của bị cáo V là người ghi chép sổ sách liên quan đến việc cho vay lãi của bị cáo V nhưng chị L chỉ ghi chép theo sự chỉ đạo của bị cáo V, không biết V cho ai vay với lãi suất bao nhiêu, không thu tiền hộ và không được hưởng lợi từ việc cho vay. Vì vậy, không đặt ra vấn đề xử lý đối với chị L.

Đối với chị Trần Thị D là người ký vào các giấy tờ ký hiệu G2, G3; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc đã tiến hành xác minh, kết quả: Chị D đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, không có mặt tại nơi cư trú. Do đó, chưa có căn cứ để tiếp tục xác minh làm rõ.

Tại quyển sổ kí hiệu S1, có các trường hợp không xác định được cụ thể họ tên, địa chỉ, điện thoại của những người bị cáo V cho vay tiền nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc không có căn cứ để xác minh.

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone 11 Pro Max, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xs Max, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S Plus, màu xám và 01 cặp sổ màu đen; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc. Đối với số tiền 3.230.000 đồng hiện đang được gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định.

Bản cáo trạng số 23/CT-VKS-ML ngày 20 tháng 5 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Trần Văn V về tội “đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự và tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Trần Văn T2 về tội “đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo V và bị cáo T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của viện kiểm sát. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo V: Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo V từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội đánh bạc; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo V. Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo V từ 50 triệu đồng đến 70 triệu đồng về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T2: Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, các điểm i và s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo V từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội đánh bạc nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Trả lại cho bị cáo V 01 cặp sổ màu đen, trả lại cho bị cáo T2 số tiền 3.230.000 đồng do không liên quan đến hành vi đánh bạc nhưng cần thiết giữ lại để bảo đảm thi hành án. Truy thu sung quỹ Nhà

nước số tiền đánh bạc là 10.500.000 đồng của bị cáo T2. Truy thu sung quỹ Nhà nước: số tiền 30.000.000 đồng của bị cáo V là tiền gốc cho vay lãi nặng, số tiền 3.781.000 đồng tiền lãi, số tiền 10.000.000 đồng là tiền đánh bạc, tổng số tiền truy thu của bị cáo V là 43.781.000 đồng. Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Pro Max màu đen, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xs Max màu đen, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu xám đều đã qua sử dụng. Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 6, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên án phí hình sự sơ thẩm đối với hai bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng là đề nghị Hội đồng xét xử cho được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo V và bị cáo T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 17 giờ 51 phút ngày 06 tháng 01 năm 2024, bị cáo Trần Văn T2 sử dụng tài khoản facebook là T nhắn tin đến tài khoản facebook V của bị cáo Trần Văn V, đề mua 15.400.000 đồng tiền lô và 300.000 đồng tiền đề. Sau khi so sánh với kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng ngày 06 tháng 01 năm 2024, bị cáo T2 trúng số 4.800.000 đồng tiền lô. Như vậy, tổng số tiền bị cáo V và bị cáo T2 có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề là 20.500.000 đồng.

Ngày 30 tháng 4 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2019, bị cáo Trần Văn V cho anh Trần Gia T3 vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương 180%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính số tiền 30.719.179 đồng. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, hành vi của bị cáo Trần Văn V đã phạm vào tội “đánh bạc” và tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định

tại khoản 1 Điều 321 và khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Trần Văn T2 đã phạm vào tội “đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Đối với hành vi đánh bạc: Lợi dụng kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng hằng ngày, bị cáo T2 và bị cáo V đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức mua, bán số lô, số đề đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, hành vi này là nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, hành vi đánh bạc của các bị cáo được xử lý bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tệ nạn cờ bạc trong xã hội đang diễn ra phức tạp.

Đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Với mục đích kiếm lời trái pháp luật, bị cáo V đã cho người khác vay tiền với mức lãi suất cao vượt quá mức theo quy định của pháp luật, hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự quản lý trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người vay, đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội do vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa về tội phạm cho vay lãi nặng trong xã hội đang có chiều hướng gia tăng.

[4] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân, bị cáo V năm 2016 bị Công an huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi gây rối trật tự ở khu dân cư. Ngày 13 tháng 3 năm 2024, bị Công an huyện L, tỉnh Nam Định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, còn xem xét đến việc bị cáo V đã tác động đề gia đình bồi thường cho người vay số tiền bị cáo chiếm đoạt về tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, bổ đề của bị cáo V được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng Nhì đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét thấy:

Đối với bị cáo V phạm hai tội là “đánh bạc” và “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Về tội “đánh bạc”, bị cáo V là người bán số lô, số đề cho bị cáo T2 thì cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Về tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, căn cứ khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về nguyên tắc xử lý đối với người cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo V.

Đối với bị cáo T2 phạm tội “đánh bạc”, thấy không cần thiết phải buộc chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo vẫn đảm bảo được sự nghiêm khắc của pháp luật và trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, điều kiện bản thân nhiều có khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 30.719.179 đồng mà bị cáo V thu lời bất chính đã được trả lại cho anh Trần Gia T3. Anh T3 đã nhận đủ số tiền trên và không có ý kiến bồi thường gì khác nên không xem xét giải quyết về trách nhiệm bồi thường dân sự.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào các khoản 2 và 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Trả lại cho bị cáo V 01 cặp số màu đen, trả lại cho bị cáo T2 số tiền 3.230.000 đồng do không liên quan đến hành vi đánh bạc nhưng cần thiết giữ lại để bảo đảm thi hành án. Buộc bị cáo T2 phải nộp lại vào ngân sách Nhà nước số tiền đánh bạc là 10.500.000 đồng. Buộc bị cáo V phải nộp lại vào nộp ngân sách Nhà nước: số tiền gốc cho vay lãi nặng là 30.000.000 đồng, số tiền lãi là 3.781.000 đồng, số tiền đánh bạc là 10.000.000 đồng, tổng số tiền bị cáo V phải nộp lại vào nộp ngân sách Nhà nước là 43.781.000 đồng. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện

thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Pro Max màu đen, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xs Max màu đen, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu xám.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn V phạm tội “đánh bạc” và tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T2 phạm tội “đánh bạc”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn V 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 01 năm 2024.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn V số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i và s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo T2 bị giam giữ từ ngày 28 tháng 01 đến ngày 06 tháng 02 cùng năm 2024). Giao bị cáo Trần Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo T2 vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Nếu bị cáo T2 vi phạm nghĩa vụ của người được hưởng án treo quy định tại khoản 1 Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự; và trong thời gian thử thách, bị cáo T2 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo T2 phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 93 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào các khoản 2 và 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Pro Max màu đen, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xs Max màu đen, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu xám.

Trả lại cho bị cáo V 01 cặp số màu đen. Trả lại cho bị cáo T2 số tiền 3.230.000 đồng (ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) nhưng giữ lại để bảo đảm cho việc thi hành án.

Buộc bị cáo T2 phải nộp lại vào ngân sách Nhà nước số tiền đánh bạc là 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo V phải nộp lại vào nộp ngân sách Nhà nước: số tiền gốc cho vay lãi nặng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), số tiền lãi là 3.781.000 đồng (ba triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng), số tiền đánh bạc là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), tổng số tiền bị cáo V phải nộp lại vào nộp ngân sách Nhà nước là 43.781.000 đồng (bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng).

(Vật chứng bị tịch thu, tài sản được trả lại cho các bị cáo theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa Công an huyện Mỹ Lộc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định).

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Văn V và Trần Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc và tỉnh Nam Định;
- Công an huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã M, huyện L, tỉnh Nam Định;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường